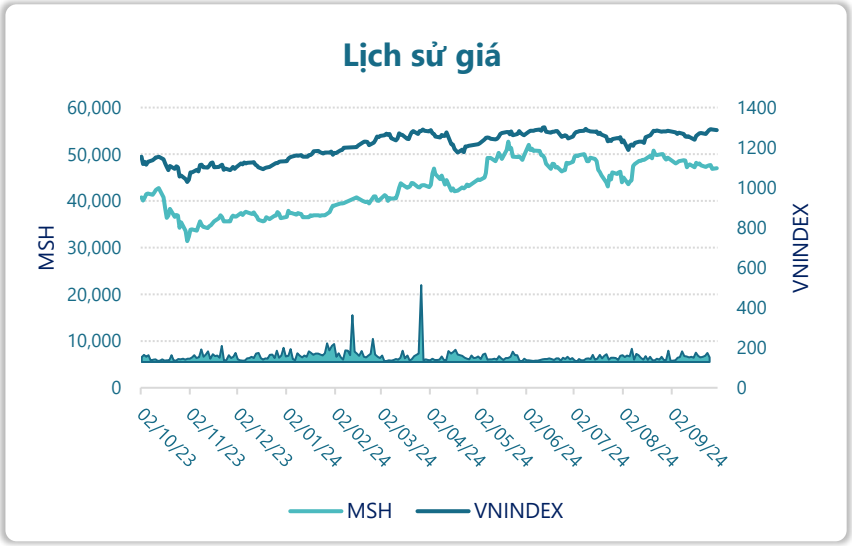
FireAnt

CTCP May Sông Hồng (HSX: MSH)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**47,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	52,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	31,401
SL cổ phiếu LH	75,014,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	93,880
% sở hữu nước ngoài	4.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,526
P/E	10.1
EPS	4,668

DT thuần

Q3/24

1,748

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 415| 31.2%

YoY: ▲ 542| 45.0%

LN sau thuế

Q3/24

130

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 38.3| 41.9%

YoY: ▲ 78.8| 154%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

9.7%

+/- YoY: ▲ 3.3%

DT thuần

9T 2024

3,852

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 467| 13.8%

LN sau thuế

9T 2024

270

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 106| 64.4%

ROE

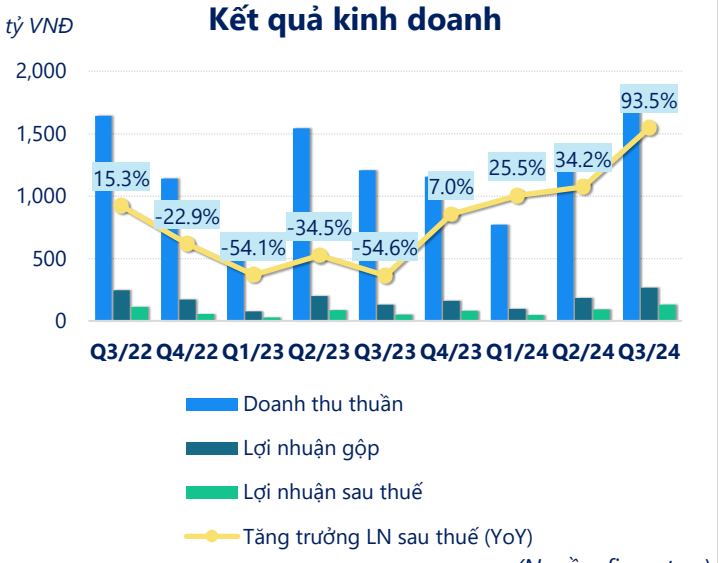
Q3/24

17.2%

+/- YoY: ▲ 5.7%

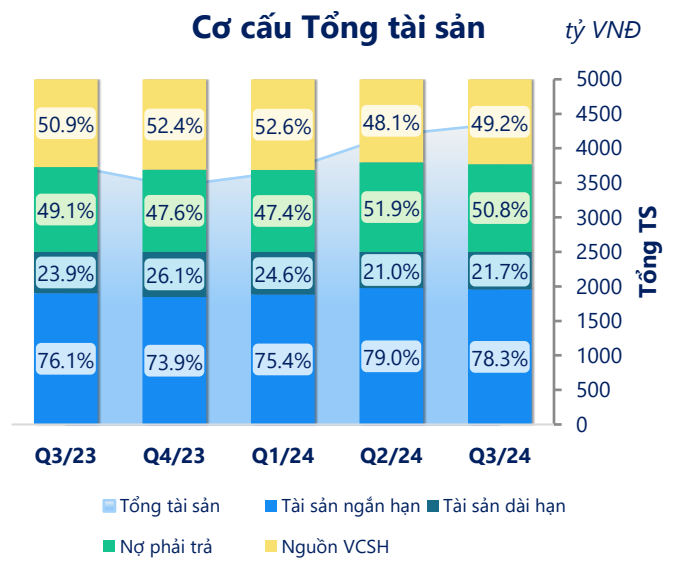
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



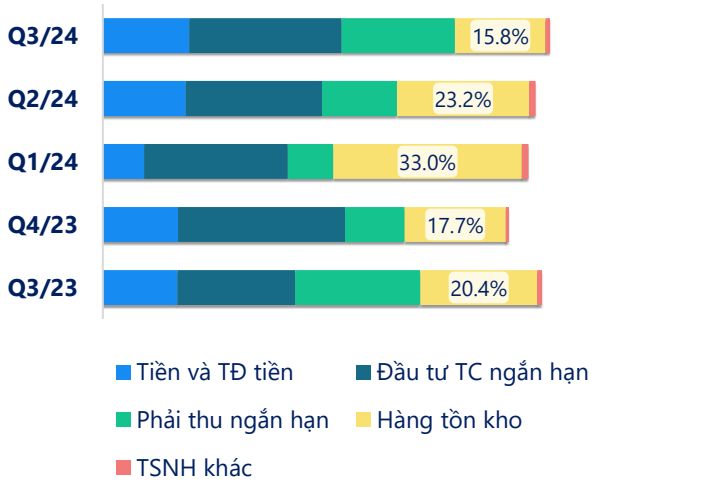
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



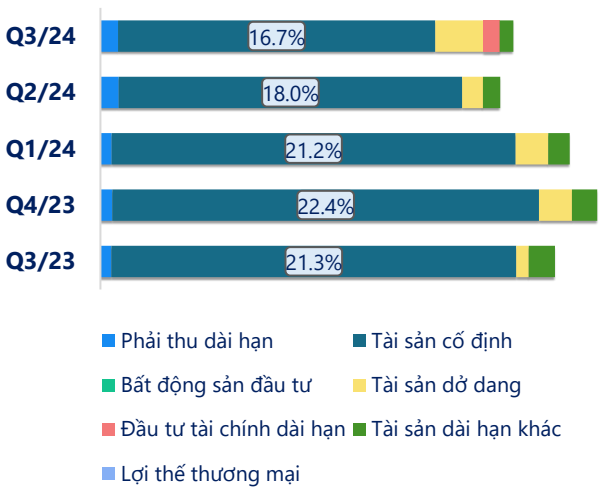
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



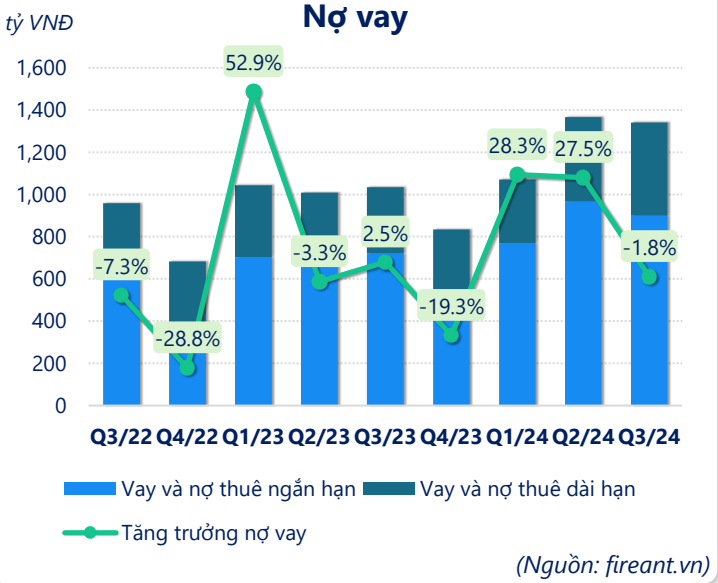
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



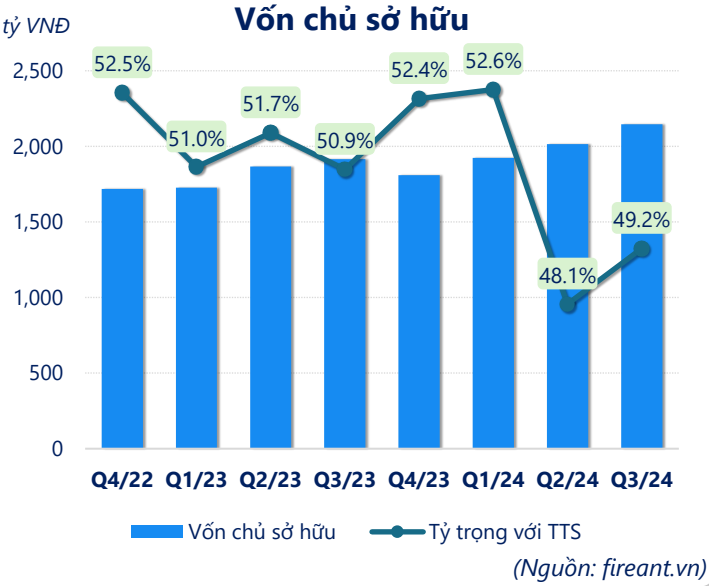
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



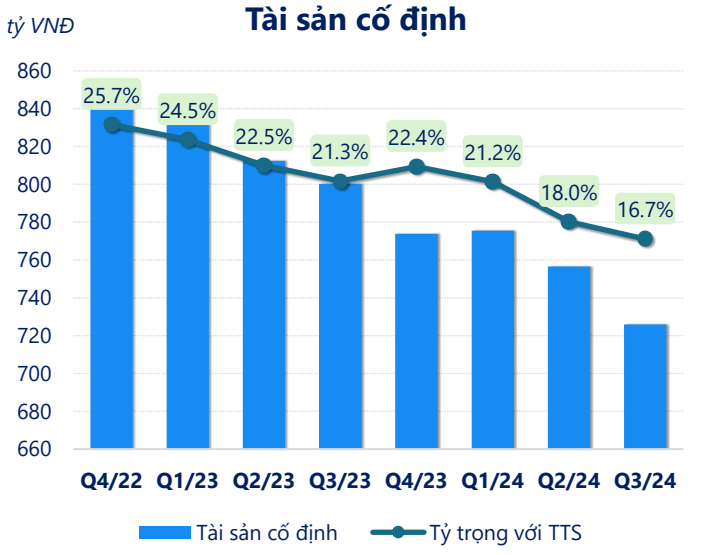
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



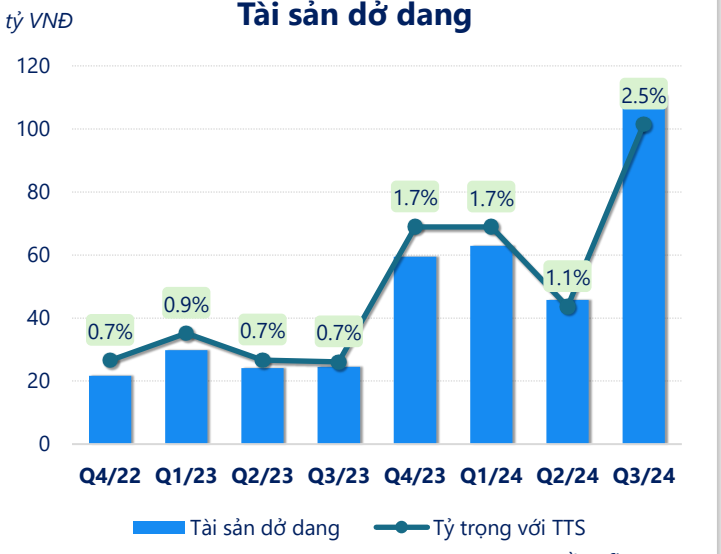
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



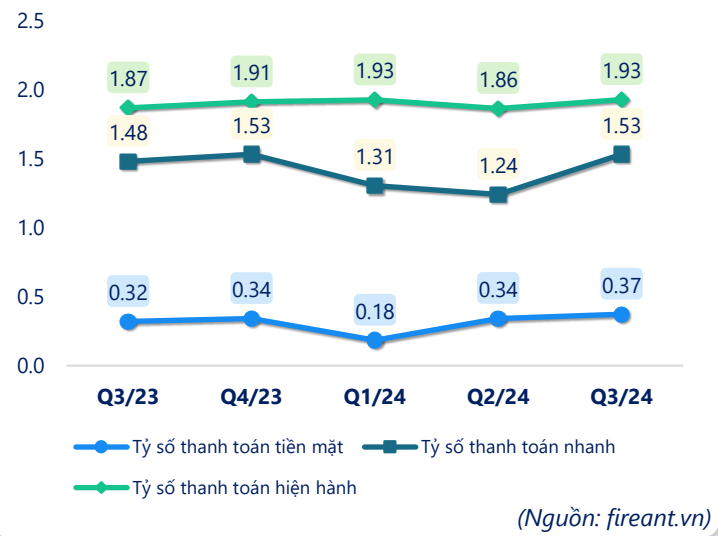
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



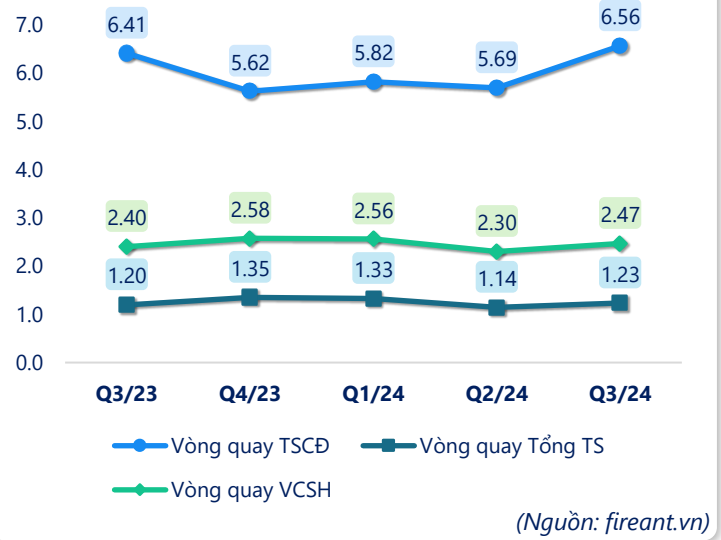
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**3,763**	**3,453**	**3,657**	**4,193**	**4,357**
Tài sản ngắn hạn	**2,865**	**2,553**	**2,756**	**3,313**	**3,412**
Tiền và tương đương tiền	490	455	263	607	660
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,002	971	1,141	629	907
Phải thu ngắn hạn	748	598	411	922	1,101
Hàng tồn kho	596	507	888	1,107	702
Tài sản ngắn hạn khác	28.9	21.6	52.4	48.4	43.1
Tài sản dài hạn	**898**	**900**	**901**	**880**	**945**
Phải thu dài hạn	21.4	21.4	21.4	40.0	40.0
Tài sản cố định	800	774	776	757	726
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	24.5	59.5	62.9	45.7	111
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	36.5
Tài sản dài hạn khác	51.7	45.8	40.8	37.6	31.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,847**	**1,643**	**1,733**	**2,178**	**2,212**
Nợ ngắn hạn	**1,533**	**1,335**	**1,431**	**1,778**	**1,769**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	720	527	769	966	899
Phải trả người bán ngắn hạn	153	123	238	195	119
Nợ dài hạn	314	308	302	400	442
Vay và nợ thuê dài hạn	314	308	302	400	442
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,916**	**1,810**	**1,924**	**2,015**	**2,145**
Vốn chủ sở hữu	**1,916**	**1,810**	**1,924**	**2,015**	**2,145**
Vốn điều lệ	750	750	750	750	750
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)